TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2019
(*V/v TrA chấp hôn nhân và gia đình*)

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn

2. Bà Trần Thị Lâm

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Doãn Khắc Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Quân, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22/7/2019 về Ly hôn, trA chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1430/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Có mặt;

Bị đơn: A Bùi Văn S, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bổ sung ngày 08/8/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Thị P và A Bùi Văn S có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2010 tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được 6 tháng sau A S mới bộc lộ tính nết nóng nảy, cục cằn, kể từ khi thuê nhà ra ở riêng, A không chịu làm ăn và thường đi uống rượu

cứ mỗi lần đi uống rượu về đến nhà là A S chửi đôi lúc còn đánh đập chị P, trong lúc đó chị P đang mang thai cháu Bùi Hà A. Chị P và hai bên gia đình nhắc nhở, nhưng A S vẫn không thay đổi, vì vậy năm 2015 bố mẹ A S có mua một ngôi nhà và cho vợ chồng chị P, A S ra ở riêng và làm ăn sinh sống ổn định được một thời gian thì A S lại càng chơi bời nhiều hơn, không chịu làm ăn mà thường xuyên rủ bạn bè tụ tập uống rượu say sỉn và chửi bới còn đánh chị P gãy cả hai răng cửa rồi đuổi chị P bế con ra khỏi nhà, vì A S cho rằng ngôi nhà là do bố mẹ A mua cho nên A có quyền đuổi mẹ con chị P, nhiều lần bị đánh đuổi đi như vậy chị P thấy tủi nhục, hoảng loạn tinh thần, nên quyết định ly thân với A S để về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3/2016, khi chị P bỏ đi, nhiều lần A S có đến nhà bố mẹ đẻ chị P đập phá cửa nhà và chửi bới bố mẹ chị P. Thấy không thể ở cùng với bố mẹ đẻ được vì sẽ làm làm hưởng đến cuộc sống của bố mẹ mình, chị P quyết định bỏ nhà đi nơi khác để làm ăn sinh sống và kiếm tiền nuôi con ăn học. Trước khi đi P có đến nhà bố mẹ A S để nói chuyện, đồng thời giao lại cháu Bùi Hà A để nhờ bố mẹ chồng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Hà A kể từ ngày 26/9/2016 đến ngày 11/6/2019 thì chị P quay trở về đón cháu Bùi Hà A, thời gian chị P giao con cho bố mẹ chồng nuôi dưỡng, thỉnh thoảng chị vẫn gửi tiền về để ông bà nội nuôi cháu ăn học, tính từ ngày chị P giao cháu Bùi Hà A cho bố mẹ A S đến ngày chị P quay về đón con (ngày 26/9/2015 đến ngày 11/6/2019) đã được 35 tháng. Mục đích chị P quay trở về nhà đón cháu Bùi Hà A, đồng thời cũng làm đơn xin ly hôn với A Bùi Văn S vì chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được, sẽ làm ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển toàn diện của con và cuộc sống riêng của chị và A S, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị được ly hôn với A Bùi Văn S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị P, A S có một con chung tên là Bùi Hà A, sinh ngày 30/7/2011. Ly hôn chị P có nguyện vọng giao cháu Bùi Hà A cho A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu A cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Hà A mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu Bùi Hà A đủ 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng sẽ vào ngày 30 hằng tháng.

Ngoài ra chị có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Bùi Hà A kể từ khi chị P gửi con cho bố mẹ A S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày chị quay về đón con là 35 tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng (*một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng được chia làm 03 (ba) đợt, mỗi đợt tính là 06 (sáu) tháng, cụ thể như sau:

Đợt 1: Từ tháng 9/2019 đến tháng 02/2020 = 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*;

Đợt 2: Từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020 = 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*;

Đợt 3: Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 chị P sẽ cấp dưỡng nốt số tiền còn lại là 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) vào ngày 28/02/2021.

Người nhận thay cho cháu Bùi Hà A toàn bộ những số tiền cấp dưỡng trên là A Bùi Văn S; nơi cư trú tại tổ 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh H.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn A Bùi Văn S trình bày: A và chị Lê Thị P có tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/3/2010 tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Quá trình chung sống được 06 *(sáu)* tháng thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do A S và chị P không đồng nhất quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng cũng không thể cải thiện được mà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. A và chị P đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay và không còn ai quan tâm đến nhau nữa. Nay chị P làm đơn xin ly hôn A hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng A có một con chung tên là Bùi Hà A, sinh ngày 29/7/2011. Ly hôn A có nguyện vọng trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Lê Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Bùi Hà A mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi cháu Bùi Hà A được 04 (bốn) tuổi cho đến khi cháu Bùi Hà A đủ 18 tuổi, với hình thức cấp dưỡng một lần. Đối với thời gian chị P bỏ nhà đi từ ngày 26/9/2016 đến ngày 11/6/2019 đã được 35 tháng x 2.000.000đ/tháng = 70.000.000đ, còn thời gian trợ cấp tiếp theo từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án cho đến khi cháu Bùi Hà A đủ 18 tuổi thì A S nhất trí với ý kiến của chị P với mức trợ cấp là 2.000.000đ/tháng, hình thức trợ cấp vào ngày 30 hàng tháng. Nếu chị P không có 70.000.000đ để giao nộp đủ cho A S ngay tại Tòa án thì A S yêu cầu chị P phải viết đơn để từ bỏ con có sự chứng kiến của Tòa án, nếu chị P không thực hiện theo đúng yêu cầu thì A S sẽ không nhất trí ly hôn.

- Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong phiên họp hòa giải và tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tòa án nhân dân huyện V lập biên bản hòa giải không thành để tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H:

+) Về tố tụng: Khi Thẩm phán thụ lý vụ án, đã xác định tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng trình tự thủ tục về nội dung và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị P, bị đơn A Bùi Văn S đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

+) **Về nội dung giải quyết vụ án**: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị P với A Bùi Văn S; về con chung giao cho A Bùi Văn S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Hà A cho đến khi đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Hà A mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu Bùi Hà A đủ 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng sẽ vào ngày 30 hằng tháng.

Đồng thời chị P có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Bùi Hà A kể từ khi chị P gửi con cho bố mẹ A S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày chị quay về đón con là 35 tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng (*một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng được chia làm 03 (ba) đợt, mỗi đợt tính là 06 (sáu) tháng.

Người nhận thay cho cháu Bùi Hà A toàn bộ những số tiền cấp dưỡng trên là A Bùi Văn S; nơi cư trú tại tổ 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh H.

- Đối với ý kiến của A Bùi Văn S yêu cầu chị Lê Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Bùi Hà A mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi cháu Bùi Hà A được 04 (bốn) tuổi cho đến khi cháu Bùi Hà A đủ 18 tuổi. Với hình thức cấp dưỡng một lần đối với thời gian chị P bỏ nhà đi từ ngày 26/9/2016 đến ngày 11/6/2019 đã được 35 tháng x 2.000.000đ/tháng = 70.000.000đ, còn thời gian trợ cấp tiếp theo từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án cho đến khi cháu Bùi Hà A đủ 18 tuổi thì A S nhất trí với ý kiến của chị P là vào ngày 30 hàng tháng. Nếu chị P không có 70.000.000đ để giao nộp đủ cho A S ngay tại Tòa án thì A S yêu cầu chị P phải viết giấy từ bỏ con có sự chứng kiến của Tòa án, chị P không thực hiện theo đúng yêu cầu thì A S sẽ không nhất trí ly hôn là không phù hợp với điều kiện thực tế của chị P, trái quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác phần yêu cầu trái pháp luật của A S.

Công nợ chung: Chị P, A S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không có ý kiến. Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lê Thị P về việc xin ly hôn với A Bùi Văn S được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

đã xác định tư cách đương sự, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P tự nguyện kết hôn với A Bùi Văn S vào ngày 31/3/2010 tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và A S là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến tháng 3/2016 vợ chồng chị P, A S phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống là do A S thường hay xúc phạm chửi và đánh chị P nhiều lần, mặc dù chị P đã cùng hai bên gia đình nội, ngoại kiên trì khuyên bảo nhưng A S không chịu thay đổi mà còn tiếp tục xúc phạm chửi mắng chị P nhiều hơn, nghiêm trọng hơn là A S còn đánh chị P gãy 2 răng cửa rồi đuổi mẹ con chị P ra khỏi nhà, chị P thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc, tương lai, chị P đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ để sống ly thân với A S từ tháng 03/2016, khi chị P về sống cùng bố mẹ đẻ, A S vẫn thường xuyên đến chửi cả bố mẹ chị P, vì vậy chị P đã phải đưa con về nhờ bố mẹ của A S trực tiếp chăm sóc con gái là Bùi Hà A để đi làm ăn, sinh sống ở nơi khác từ ngày 26/9/2016 đến ngày 11/6/2019 chị quay về nhà bố mẹ chồng để đón con gái, đồng thời chị P thấy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị P làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với A Bùi Văn S.

Ý kiến của A Bùi Văn S trong quá trình Tòa án giải quyết cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với A S. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Hội đồng xét xử, xét về quan hệ tình cảm của chị P và A S đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị P, A S và ý kiến giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin được Ly hôn của chị P với A S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị P, A S có một con chung tên là Bùi Hà A, sinh ngày 30/7/2011. Ly hôn chị P có nguyện vọng giao cháu Bùi Hà A cho A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Hà A mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu Bùi Hà A đủ 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng sẽ vào ngày 30 hằng tháng.

Xét yêu cầu của chị P về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, phải căn cứ vào nơi ở thực tế và điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Theo lời khai của chị P, A S tại phiên tòa, có cơ sở xác định chị P phải đi làm ăn ở xa, chỗ ở không ổn định nên không đủ điều kiện để đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng con phát triển và trưởng thành toàn diện, hơn nữa kể từ khi chị P và A S sống ly thân đến nay chị P đã giao con cho bố mẹ chồng và A S trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời nguyện vọng của cháu Bùi Hà A thể hiện "*Vì mẹ P phải đi làm việc ở xa không thường xuyên ở nhà nên cháu xin được ở với ông bà nội và bố S*" . Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Bùi Hà A cho A Bùi Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Hà A mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng của chị Lê Thị P.

Ngoài ra chị P có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Bùi Hà A kể từ khi chị P gửi con cho bố mẹ A S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày chị quay về đón con là 35 tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng (*một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng được chia làm 03 (ba) đợt, mỗi đợt tính là 06 (sáu) tháng, cụ thể như sau:

Đợt 1: Từ tháng 9/2019 đến tháng 02/2020 = 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*;

Đợt 2: Từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020 = 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*;

Đợt 3: Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 chị P sẽ cấp dưỡng nốt số tiền còn lại là 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) vào ngày 28/02/2021.

Người nhận thay cho cháu Bùi Hà A toàn bộ những số tiền cấp dưỡng trên là A Bùi Văn S; nơi cư trú tại tổ 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh H.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Vì điều kiện công việc chị P không trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con như chị P đã trình bày. Sự tự nguyện trợ cấp nuôi chung trong thời kỳ hôn nhân của chị P là phù hợp với Điều 70, 71 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trợ cấp nuôi con chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Lê Thị P.

Tuy nhiên trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, A S không nhất trí với sự tự nguyện đối với mức cấp dưỡng nuôi con chung trong thời kỳ hôn nhân của chị P, A S yêu cầu chị P phải có trách nhiệm trợ cấp nuôi cháu Bùi Hà A kể từ ngày chị P giao con cho bố mẹ chồng và A S nuôi dưỡng là 35 tháng x 2.000.000/tháng = 70.000.000đ, hình thức cấp dưỡng, chị P phải giao nộp cho A S 01 lần tại Tòa án nhân dân huyện V, nếu chị P không có tiền để giao nộp cho A S theo yêu cầu thì chị P phải viết đơn xin Từ con có sự công nhận của Tòa án thì A S sẽ nhất trí ly hôn với chị P.

Hội đồng xét xử, xét điều kiện thực tế của chị P trong thời gian phải sống ly thân với A S là do bị A S đánh gãy răng và đuổi mẹ con chị P ra khỏi nhà,

làm cho chị P sống trong điều kiện sức khỏe yếu, không có công ăn việc làm phải sống nhờ bố mẹ đẻ một thời gian, để phục hồi lại tinh thần, sức khỏe, sau đó mới tìm được việc làm để tự nuôi sống bản thân, khi có thu nhập ổn định chị P đã tự nguyện trợ cấp nuôi con chung trong thời kỳ hôn nhân với mức 1.000.000đ/tháng với hình thức trợ cấp như lời trình bày của của P tại phiên tòa là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng với quy định của pháp luật. Việc A S yêu cầu nếu chị P không có 70.000.000đ để giao nộp một lần cho A S tại Tòa án thì chị P phải viết đơn để Từ con có sự công nhận của Tòa án thì A S sẽ nhất trí ly hôn là không phù hợp với điều kiện thực tế của chị P và trái với quy định của Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử bác yêu cầu của A S đối với chị P về việc trợ cấp nuôi con chung trong thời kỳ hôn nhân.

Quyền và Nghĩa vụ của chị P đối với con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P, A S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí trợ cấp nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, trA chấp nuôi con của chị Lê Thị P với A Bùi Văn S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị P được ly hôn với A Bùi Văn S.

3.Về con chung: Giao cháu Bùi Hà A cho A Bùi Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Hà A mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) vào ngày 30 hàng tháng của chị Lê Thị P. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/09/2019.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị P cấp dưỡng nuôi con chung trong thời kỳ hôn nhân cho cháu Bùi Hà A kể từ khi chị P gửi con cho bố mẹ A S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng (ngày 26/9/2016) cho đến ngày chị quay về đón con (ngày 11/6/2019) là 35 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Tổng cộng là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng được chia làm 03 (ba) đợt, mỗi đợt tính là 06 (sáu) tháng, cụ thể như sau:

Đợt 1: Từ tháng 9/2019 đến tháng 02/2020 = 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*;

Đợt 2: Từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020 = 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*;

Đợt 3: Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 chị P sẽ cấp dưỡng nốt số tiền còn lại là 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) vào ngày 28/02/2021.

Người nhận thay cho cháu Bùi Hà A toàn bộ những số tiền cấp dưỡng trên là A Bùi Văn S; nơi cư trú tại tổ 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh H.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Bác yêu cầu của A Bùi Văn S đòi chị P phải nộp đủ 70.000.000đ tiền trợ cấp nuôi con chung một lần cho A S tại Tòa án nhân dân huyện V .

4. Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí trợ cấp nuôi con chung, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị P đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02283 ngày 22 tháng 7 năm 2019, chị P còn phải nộp thêm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị P và A Bùi Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBNDTT V, huyện V,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thu Hiền

Thành viên Hội đồng xét xử		**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Phùng Ngọc Tuấn	**Trần Thị Lâm**	**Vũ Thu Hiền**